

Bản án số: 07/2020/HS-ST

Ngày: 24 - 02 - 2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đoàn Công Quốc**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Truyền Bình**

Ông **Huỳnh Tiến**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Linh Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Ngô Mạnh Lân** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 07/2019/HSST ngày 17/01/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Uông Đình H, sinh ngày 28/06/2001 tại Đà Nẵng; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: đường H, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Con ông Uông Đình H và bà Nguyễn Thị G; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

* *Người bị hại:* Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1975; Trú tại: đường H, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh **Trịnh Ngọc T**, sinh năm 1976; Trú tại: đường L, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 00h00' ngày 24/8/2019, Uông Đình H đến nhà Nguyễn Hoàng T tại đường H, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng để thăm T bị ốm. H lên tầng 2 ngồi chơi với T. Đến khoảng 00h30 cùng ngày, H xuống tầng 1 thì thấy 01 túi xách màu đen của chị Nguyễn Thị N treo tại phòng khách. H mở túi xách ra thì thấy bên trong có 01 vòng bằng kim loại màu vàng có gắn đá xanh và 01 nhẫn kim loại màu vàng có gắn đá xanh. H lấy vòng và nhẫn trên bỏ vào túi quần và tiếp tục lên tầng 02 nói chuyện với T, sau đó về nhà ngủ. Đến khoảng 11h00 cùng ngày, H đem vòng và nhẫn vàng đến tiệm vàng N tại

K52/15 đường L, phường L, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng bán cho anh Trịnh Ngọc T được số tiền 10.000.000 đồng và tiêu xài hết.

Sau khi mua nhẫn và vòng, anh T tháo viên đá trên nhẫn và vòng ra vứt bỏ, còn số vàng đun nóng chảy làm thành nữ trang khác và bán cho khách, hiện không thu hồi được.

Khoảng 7h00 ngày 24/08/2019, chị N phát hiện bị mất tài sản nên trình báo với Công an phường T. Tại Cơ quan Công an, H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Theo kết luận định giá tài sản số 142/KL-HĐĐG ngày 18/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng kết luận chiếc vòng và nhẫn đeo trên có tổng giá trị là 14.732.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ 01 đoạn video dài 1 phút 36 giây và 01 đoạn video dài 56 giây do anh Trịnh Ngọc T cung cấp hình ảnh H đến tiệm vàng N bán vàng được lưu giữ trong 01 đĩa CD hiệu Maxell.

Về dân sự: Bị hại Nguyễn Thị N yêu cầu Ông Đình H bồi thường số tiền 30.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKS ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Ông Đình H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh nói trên đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 06 đến 12 tháng tù. Về dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị N số tiền 14.732.000đ. Đối với vật chứng, đề nghị Hội đồng xét tiếp tục lưu 01 đĩa CD hiệu Maxell tại hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Ông Đình H đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã đề cập. Bị cáo không khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Bị cáo cũng thống nhất về tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố và điều luật đề nghị áp dụng tại phiên tòa, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đề bị cáo sớm có cơ hội về với gia đình.

Người bị hại Nguyễn Thị N có mặt tại phiên tòa xác định toàn bộ lời khai trong quá trình điều tra là đúng với diễn biến vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hành vi của bị cáo theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự, người bị hại thống nhất với kết luận định giá tài sản và không tranh luận gì đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trịnh Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa nhưng cũng có đầy đủ lời khai tại hồ sơ vụ án. Qua đối chiếu thể hiện lời khai của Trịnh Ngọc T là phù hợp với các chứng cứ khác và diễn biến tại phiên tòa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm vấn công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại gì. Tại phiên tòa bị cáo, cũng không có ý kiến gì về hành vi, quyết định tố tụng như đã đề cập. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, cụ thể: Vào khoảng 00h00' ngày 24/8/2019 Ông Đinh H đến thăm bạn là Nguyễn Hoàng T địa chỉ đường T, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Tại đây, H phát hiện 01 túi xách của mẹ Trung là bà Nguyễn Thị N để sơ hở không có người canh giữ, H lục túi xác lấy 01 vòng đeo tay và 01 nhẫn vàng tổng trị giá 14.732.000đ. Do đó Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định cáo trạng số 19/CT-VKS ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Ông Đinh H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[3] Xét tính chất vụ án thì thấy: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội. Lợi dụng sơ hở của chính gia đình bạn, bị cáo đã chiếm đoạt tài sản trị giá hàng chục triệu đồng. Khi người bị hại nghi ngờ, động viên bị cáo đem tài sản trả lại thì bị cáo không thừa nhận thậm chí còn có thái độ thách thức gây bất bình cho gia đình người bị hại, điều này cũng thể hiện bị cáo có bản tính xấu, cần phải bị xử phạt bằng hình thức cách ly ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo mới có tác dụng giáo dục đồng thời làm gương cho người khác.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn. Do đó HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trịnh Ngọc T có hành vi mua nhẫn, vòng đeo tay do bị cáo trộm cắp được. Tuy nhiên xét anh T làm nghề kinh doanh tiệm vàng, khi mua nhẫn, vòng từ bị cáo anh T không biết nguồn gốc các tài sản này là do phạm tội mà có. Giao dịch mua tài sản của anh T là ngay tình, nên Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không đề cập trách nhiệm của anh T là phù hợp, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] **Về trách nhiệm dân sự:** Quá trình điều tra người bị hại Nguyễn Thị N yêu cầu bị cáo Ông Đinh H phải bồi thường số tiền 30.000.000đ. Tuy nhiên qua diễn biến tại

phiên tòa, chị N cũng không có ý kiến gì đối với Kết luận định giá tài sản, không tranh luận gì đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về vấn đề dân sự, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật. Do đó căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường tương ứng với giá trị tài sản chiếm đoạt là phù hợp.

[7] **Về xử lý vật chứng:** Vật chứng của vụ án là 01 đĩa CD hiệu Maxell do anh Trịnh Ngọc T giao nộp có chứa dữ liệu hình ảnh bị cáo bán tài sản tại tiệm vàng Ngọc Tiến là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tiếp lưu tại hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí: Bị cáo Ông Đình H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo **Ông Đình H** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: **Ông Đình H** 09 (chín) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Ông Đình H phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị N số tiền 14.732.000đ (Mười bốn triệu bảy trăm ba mươi hai ngàn đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên NH không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án 01 đĩa CD hiệu Maxell do anh Trịnh Ngọc Tý giao nộp có chứa dữ liệu hình ảnh bị cáo bán tài sản tại tiệm vàng Ngọc Tiến.

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Ông Đình H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 736.600đ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, báo cho bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

hôm nay. Riêng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải Châu;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- TAND TP Đà Nẵng;
- CQCSĐT CA quận Hải Châu;
- THA dân sự quận Hải Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đoàn Công Quốc

